



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

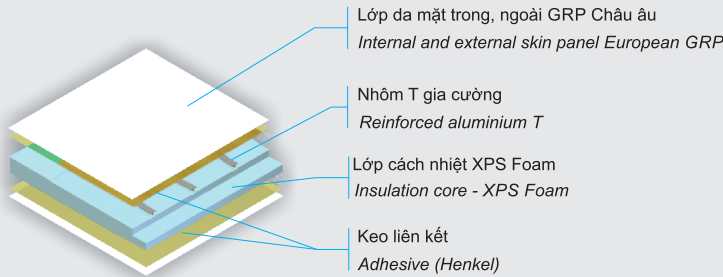
HINO XZU710L-WKFMS3

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT		XZU710L		XZU710L	
Loại xe / Vehicle type				Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck		Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	
Nhãn hiệu / Mark, model code				HINO XZU710L-WKFMS3 -QA.DLF2S		HINO XZU710L-WKFMS3 -QA.DL1	
Công thức bánh xe / Wheel formular				4 x 2		4 x 2	
Thông số về kích thước / Dimensions							
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm			6390 x 2120 x 3040		6390 x 2120 x 3040	
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm			4600 x 2100 x 2100		4600 x 2100 x 2100	
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm			4420 x 1960 x 1930		4420 x 1960 x 1930	
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm			3430		3430	
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm			1660 / 1480		1660 / 1480	
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm			1115 / 1845		1115 / 1845	
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm			1995		1995	
Thông số về khối lượng / Weight							
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg			3355		3355	
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg			1950		1950	
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg			5500		5500	
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver				3		3	
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres							
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)				7.00R16		7.00R16	
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)				7.00R16		7.00R16	
Thiết bị điện / Electric equipment							
Áp định mức: 24V Out put: 24V				Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình		Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	
Máy phát Alternator				24V - 60A		24V - 60A	
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment							
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit				THERMAL-2800 (ATP) (-18oC, 2515W)		THERMAL-3100 (ATP) (-20oC, 2750W)	
Trang bị khác Other equipment				-		-	

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 1.5T ~ 2.0T	Sàn sóng / corrugated 1.5T ~ 2.0T
Panel sàn Floor panel	80	90
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* Fax: (0272) 3769 023

* Phòng kinh doanh:

Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444

Email: kd01@quyenauto.com

* Tư vấn kỹ thuật:

Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317

Email: technical@quyenauto.com

